

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 16-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chi

Bà Phan Thị Ngọc Cẩm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) Bưu Điện L nay đổi tên là Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- **Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:** Ông Vũ Quốc K - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trần Hữu T - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần L, chi nhánh H.

- **Người được ủy quyền lại:** Ông Lâm Dương Thiện P - sinh năm: 1998. Có mặt

Địa chỉ: Số C, N, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nay là số 32, Nguyễn Công T1, phường V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T2 - Sinh năm: 1977. Có mặt
Địa chỉ: Ấp Kinh Giữa, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
Nay là ấp Kinh Giữa, xã Hòa Hưng, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Lâm Dương Thiện P trình bày:

Ngày 28/3/2022, Ngân hàng TMCP B (Nay đổi tên Ngân hàng TMCP L) có ký hợp đồng tín dụng số HDTD802202200075 với ông Nguyễn Chí T2 cho vay tiền, mục đích vay hoàn vốn nhận chuyển nhượng thửa đất số 593, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp K, xã H, vốn gốc là 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 7.8%/năm, lãi suất cố định 12 tháng đầu, 03 tháng điều chỉnh lãi suất 01 lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Thời hạn vay 240 tháng, từ ngày 30/3/2022 đến ngày 28/3/2042 phương thức thanh toán là trả gốc và lãi định kỳ ngày 01 hàng tháng, vốn gốc mỗi kỳ là 2.500.000 đồng và tiền lãi kèm theo, trả trong 240 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/5/2022 đến ngày 28/3/2042.

Ngoài ra ông T2 còn ký 01 hợp đồng kiêm thẻ tín dụng quốc tế số TDTD802202200085 ngày 01/4/2022. Hạn mức cấp thẻ là 20.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng. Tính đến ngày 16/7/2025, ông T2 còn nợ số tiền gốc là 11.974.737 đồng và tiền lãi là 14.677.926 đồng.

Để đảm bảo nợ vay thì ông T2 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 653713 diện tích 1288 m², thửa đất số 593, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện G do ông Nguyễn Chí T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC 802202200042 ngày 28/3/2022.

Quá trình vay vốn, ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 11 kỳ, tổng số tiền gốc là 27.607.460 đồng, tiền lãi là 42.322.481 đồng. Kể từ ngày 01/3/2023 ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng nhiều lần đến trực tiếp trao đổi và nhắc nhở nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T2 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ông T2 đã vi phạm điểm f khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 01/4/2023.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông Nguyễn Chí T2 phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp tín dụng số HDTD802202200075 tạm tính đến ngày xét xử (ngày 16/7/2025) nợ gốc là: 572.392.540 đồng, lãi trong hạn 172.939.631

đồng, lãi quá hạn gốc 16.777.808 đồng, lãi chậm trả lãi là 20.034.676 đồng, tổng cộng là 782.144.655 đồng và nợ thẻ tín dụng theo hợp đồng số TDTD802202200085 số tiền gốc là 11.974.737 đồng và tiền lãi là 14.677.926 đồng, tổng cộng 26.652.663 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông T2 phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 16/7/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông T2 không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng TMCP L yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông T2 đứng tên theo hợp đồng thế chấp đã trình bày trên để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2024 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Chí T2 trình bày:

Ông T2 thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B nay là Ngân hàng TMCP L số tiền gốc là 600.000.000 đồng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế hạn mức 20.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, thế chấp và thực hiện hợp đồng đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng L.

Ông đã trả nợ được một phần, các kỳ trả tiếp theo do điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông không thực hiện việc trả nợ đúng như thỏa thuận. Ông hoàn toàn thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi còn lại tạm tính đến ngày 16/7/2025 theo hợp tín dụng số HDTD802202200075 là 782.144.655 đồng và nợ thẻ tín dụng theo hợp đồng số TDTD802202200085 là 26.652.663 đồng. Ông T2 yêu cầu trả dần, 03 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông sẽ cố gắng thanh toán phần nợ thẻ tín dụng trước.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang xét thấy Ngân hàng TMCP L khởi kiện ông T2 phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Xét hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa Ngân hàng TMCP L và ông T2, các bên đầy đủ năng lực hành vi, tự nguyện thỏa thuận, hợp đồng được lập thành văn bản phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T2 thừa nhận các khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng, ông xác định có sự việc đã vi phạm nội dung các bên giao kết. Do đó yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối với yêu cầu trả lãi là phù hợp Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Xét hợp đồng thế chấp hai bên đã giao kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, đã đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào Điều 5 của hợp đồng thế chấp thì khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP L về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ theo quy định tại các Điều 317, Điều 319, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L, buộc ông Nguyễn Chí T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP L nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số HDTD802202200075 là: 572.392.540 đồng, lãi trong hạn 172.939.631 đồng, lãi quá hạn gốc 16.777.808 đồng, lãi chậm trả lãi là 20.034.676 đồng, tổng cộng là 782.144.655 đồng và nợ thế tín dụng theo hợp đồng số TDTD802202200085 số tiền gốc là 11.974.737 đồng và tiền lãi là 14.677.926 đồng, tổng cộng 26.652.663 đồng và lãi phát sinh từ ngày xét xử (16/7/2025) cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông T2 không thực nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thanh toán nợ theo quy định.

Về án phí: Buộc ông T2 phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP B nay là ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí T2 phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện Giồng

Riêng nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD802202200075 ngày 28/3/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/3/2022 thể hiện ông Nguyễn Chí T2 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B (Nay đổi tên Ngân hàng TMCP L) với vốn gốc là 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 7.8%/năm, đến ngày 01/4/2023 có điều chỉnh lãi suất là 13.70%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Thời hạn vay từ ngày 30/3/2022 đến ngày 28/3/2042. Hình thức vay là thế chấp, phương thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 01, trả trong 240 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 2.500.000 đồng và lãi, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/5/2022. Thời hạn vay là 20 năm, ngày 28/3/2042 thì đến hạn.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP L và ông T2 còn ký hợp đồng kiêm thẻ tín dụng quốc tế số TDTD802202200085 ngày 01/4/2022. Hạn mức cấp thẻ là 20.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng. Tính đến ngày 16/7/2025, ông T2 còn nợ số tiền gốc là 11.974.737 đồng và tiền lãi là 14.677.926 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc tự nguyện giao kết hợp đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T2 thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B nay là Ngân hàng TMCP L số tiền gốc là 600.000.000 đồng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế hạn mức 20.000.000 đồng. Ông T2 hoàn toàn thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi còn lại tạm tính đến ngày 16/7/2025 theo hợp tín dụng số HDTD802202200075 là 782.144.655 đồng và nợ thẻ tín dụng theo hợp đồng số TDTD802202200085 là 26.652.663 đồng và không có yêu cầu phản tố. Từ đó cho thấy ông T2 đã thừa nhận nợ, không ý kiến phản đối đối với các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo thỏa thuận: “*Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay hoặc thu hồi nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ vốn vay của bên vay, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: ...*

f. Bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay, phí theo các thỏa

thuận tại hợp đồng.”

Xét thấy ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết quy định tại điểm f khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 01/4/2023.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả nợ gốc của Ngân hàng TMCP L đối với ông T2 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ gốc còn thiếu tính đến ngày 16/7/2025 theo hợp đồng HĐTD802202200075 là 572.392.540 đồng và nợ gốc thẻ tín dụng theo hợp đồng số TDTD802202200085 là 11.974.737 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP L:

Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất của Ngân hàng và ông T2 thống nhất theo hợp đồng tín dụng đã giao kết, ông T2 không có yêu cầu phản tố. Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông T2 phải thanh toán khoản nợ lãi trong hạn từ ngày 01/3/2023 đến ngày 16/7/2025 tính theo số tiền lãi tương ứng trong hạn từng tháng theo thỏa thuận, mức lãi suất trong hạn là 13.70%/tháng tổng số tiền lãi trong hạn còn lại phải thanh toán tổng cộng là: 172.939.631 đồng.

Khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/4/2023 do đó mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải thanh toán nợ lãi quá hạn từ ngày 01/4/2023 đến ngày 16/7/2025 là 150% của lãi suất trong hạn là 20.55%/tháng và lãi chậm trả lãi 10%/năm từ ngày 01/4/2023 đến ngày 16/7/2025 là phù hợp theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Cụ thể:

- Lãi trong hạn: từ ngày 01/3/2023 đến ngày 16/7/2025 tính theo số tiền lãi tương ứng trong hạn từng tháng phải thanh toán tổng số tiền là: 172.939.631 đồng;

- Lãi quá hạn: từ ngày 01/4/2023 đến ngày 16/7/2025 tính theo số tiền gốc quá hạn từng tháng tổng số tiền là: 16.777.808 đồng;

- Lãi chậm trả lãi: từ ngày 01/04/2023 đến ngày 16/7/2025, tính theo số tiền lãi chậm trả lãi từng tháng tổng số tiền là 20.034.676 đồng.

Về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Ngày 01/4/2022, ông T2 đã mở thẻ tín dụng quốc tế theo hợp đồng số HĐTD802202200085, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, hợp đồng tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Tiền lãi phát sinh và phí tạm tính đến ngày 16/7/2025 là 14.677.926 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị

Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao buộc ông T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 16/7/2025.

Tổng các khoản gốc và lãi ông T2 phải trả, tạm tính đến ngày 16/7/2025 của hợp đồng số HDTD802202200075 là 782.144.655 đồng và lãi phát sinh sau ngày 16/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tổng các khoản gốc và lãi ông T2 phải trả, tạm tính đến ngày 16/7/2025 của hợp đồng số HDTD802202200085 là 26.652.663 đồng.

[2.3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo tiền vay theo hợp đồng số HDTD802202200075 thì ông Nguyễn Chí T2 đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP L để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI653713 đất tổng diện tích 1288 m² bao gồm đất ở tại nông thôn diện tích 300 m², đất trồng cây lâu năm 988 m² thửa đất số 593, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Chí T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC802202200042 ngày 28/3/2022. Hiện các tài sản thế chấp ông T2 đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Ngân hàng TMCP L đã ký với ông Nguyễn Chí T2 được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực và thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo hợp đồng HDTD802202200075 nên Ngân hàng TMCP L yêu cầu xử lý tài sản thế chấp số HĐTC 802202200042 ngày 28/3/2022 là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng số HDTD802202200075 thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh An Giang thực hiện thủ tục phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI653713 đất tổng diện tích 1.288 m² bao gồm đất ở tại nông thôn diện tích 300 m², đất trồng cây lâu năm 988 m² thửa đất số 593, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Chí T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC802202200042 ngày 28/3/2022 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Thanh thanh T4 xong toàn bộ số nợ theo hợp đồng vay vốn số HDTD802202200075 thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI653713 đã thế chấp cho ông Nguyễn Chí T2.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B (Nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.323.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008272 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Chí T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch của tổng số tiền (782.144.655 đồng + 26.652.663 đồng) là: 36.000.000 đồng + 3% (8.087.797) = 36.263.919 làm tròn là 36.264.000 đồng.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 317, Điều 319, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B (Nay là Ngân hàng TMCP L) với ông Nguyễn Chí T2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Chí T2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2025.

Hợp đồng số HDTD802202200075: nợ gốc là: 572.392.540 đồng, lãi trong hạn 172.939.631 đồng, lãi quá hạn gốc 16.777.808 đồng, lãi chậm trả lãi là 20.034.676 đồng, tổng cộng là 782.144.655 đồng là 782.144.655 đồng.

Hợp đồng số TDTD802202200085 (nợ thẻ tín dụng) số tiền gốc là 11.974.737 đồng và tiền lãi là 14.677.926 đồng, tổng cộng 26.652.663 đồng

Tổng cộng là 808.797.318 đồng (*T3 trăm lẻ tám triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm mười tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông T2 không có khả năng trả nợ phát sinh theo Hợp đồng số HDTD802202200075 thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh An Giang thực hiện thủ tục phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI653713 đất tổng diện tích 1288 m² bao gồm đất ở tại nông thôn diện tích 300 m², đất trồng cây lâu năm 988 m² thửa đất số 593, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp K, xó H, huyện G Riềng, tỉnh K do ông Nguyễn Chí T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC802202200042 ngày 28/3/2022 để thu hồi nợ.

3. Trường hợp ông Nguyễn Chí Thanh thanh T4 xong toàn bộ số nợ theo hợp đồng vay vốn số HDTD802202200075 thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI653713 đã thế chấp cho ông Nguyễn Chí T2.

4. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.323.000 đồng (*Mười bốn triệu, ba trăm, hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008272 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Chí T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tổng số tiền (782.144.655 đồng + 26.652.663 đồng) là: 36.000.000 đồng + 3% (8.087.797) = 36.263.919 làm tròn là 36.264.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, hai trăm, sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/7/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5-AG;
- Phòng thi hành án KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An